

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 260/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2022

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà.

Bà Phạm Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 252/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 221/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 3, thôn A, xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại: Số 2/2, hẻm 249, đường A1, quận N1, thành phố H2, Đài Loan.

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Chị Phan Thị Thu N và anh Phạm Tiến H1. Địa chỉ: Số 32 Q, phường H3, quận G, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 9, thôn X, xã T2, huyện T1, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1948. Địa chỉ: Xóm 3, thôn A, xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương.

(Chị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Đ và bà L vắng mặt có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T1, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/10/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống căng thẳng nặng nề. Vợ chồng nhiều lần nói chuyện nhưng mâu thuẫn không được giải quyết và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thu T3, sinh ngày 06/12/2011, hiện đang ở với bà ngoại là bà Phạm Thị L. Chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Phạm Thị L thay chị chăm sóc cháu Trang cho đến khi chị về nước. Chị có trách nhiệm gửi tiền về cho bà L nuôi dưỡng cháu Trang.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H hiện đang lao động tại Đài Loan, chị ủy quyền cho chị Phan Thị Thu N và anh Phạm Tiến H1 thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, chị N đã thông báo cho chị biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Đ nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Đ. Ông Nguyễn Đức C (bố đẻ anh Đ) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài và cũng không liên quan đến việc ly hôn của vợ chồng nên ông không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên anh Đ vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại, anh Đ không để ý đến việc chị H có đơn xin ly hôn, anh có quan điểm chị H muốn giải quyết như thế nào là việc của chị H và xác định vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày là đúng, quan điểm của anh nếu chị H không nuôi con thì anh sẽ nuôi, anh không có nhà thì ông sẽ nuôi cháu Trang thay anh, nếu chị H muốn nuôi con thì anh Đ cũng nhất trí. Tài sản chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị L nhất trí thay chị H chăm sóc cháu Nguyễn Thu T3 cho đến khi chị H về nước và không yêu cầu đòi hỏi về việc cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trang. Ngoài ra bà L trình bày: Chị H và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ ghen tuông vô cớ, anh thường xuyên kiểm soát

đánh đập chị H, chị H đã nhiều lần bỏ về nhà bà ở, sau đó vợ chồng lại về với nhau nhưng anh Đ vẫn chứng nào tật ấy. Mâu thuẫn căng thẳng vào năm 2017 nên chị H về nhà bà ở hẳn từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị H có đơn xin ly hôn, bà đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của chị H.

Con chung của chị H và anh Đ là cháu Nguyễn Thu T3 có nguyện vọng được ở với chị H và bà L.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H, anh Đ đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, chị H đã có đơn xin ly hôn nhưng được gia đình khuyên bảo nên vợ chồng lại về đoàn tụ. Sau đó vợ chồng cùng có thời gian đi làm ăn ở nước ngoài, nhưng vợ chồng mỗi người ở một nơi, không quan tâm, chia sẻ và không gắn bó với nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Đức Đ. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thu T3 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Nguyễn Thu T3 cho bà Phạm Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xóm 3, thôn A, xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương. Hiện chị đang làm ăn, sinh sống tại số 2/2, hẻm 249, đường A1, quận N1, thành phố H2, Đài Loan. Bị đơn anh Nguyễn Đức Đ có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở xóm 9, thôn X, xã T2, huyện T1, tỉnh Hải Dương, hiện anh Đ đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù, chị H không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng chị đã gửi các tài liệu gồm: Đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền về Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này

đã được Văn phòng Kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà chị H gửi về đúng là ý chí, nguyện vọng của chị, quan điểm xin ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Đ. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Đ cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Càn là bố đẻ anh Đ để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh Đ đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông Càn xác định vẫn liên lạc với anh Đ và anh Đ biết chị H đang có đơn xin ly hôn tại Tòa án. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà L có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T1, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/10/2011 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ và không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh Đ ghen tuông, nghi ngờ tình cảm và hay kiểm soát đánh chị, chị H nhiều lần phải về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, anh Đ vẫn chứng nào tật đấy, vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Gia đình anh Đ xác định vẫn liên lạc điện thoại với anh nhưng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh và anh Đ cũng không gửi lời khai thể hiện quan điểm của mình. Thực tế vợ chồng cùng làm ăn tại Đài Loan nhưng không liên lạc, không quan tâm và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức Đ có 01 con chung là Nguyễn Thu T3, sinh ngày 06/12/2011, hiện con đang ở với bà Phạm Thị L. Chị H đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đồng thời chị ủy quyền cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi chị về nước. Anh Đ hiện đang làm ăn ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa anh cũng có quan điểm nếu chị H muốn nuôi con anh cũng nhất trí. Cháu Thu Trang có nguyện vọng được ở với chị H và bà L. Do vậy, Hội đồng xét xử cần giao

con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Nguyễn Thu T3 cho bà Phạm Thị L nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Đức Đ.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thu T3, sinh ngày 06/12/2011 kể từ khi ly hôn cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tạm thời không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Nguyễn Thu T3 cho bà Phạm Thị L nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001624 ngày 07/10/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Phan Thị Thu N nộp thay). Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T2, huyện T1, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)